

Số: 3191/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/2017/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 04 (bốn) phân bón lưu hành tại Việt Nam (*Danh sách kèm theo*) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần

Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3825 6258

Fax: 028 3825 6269

Mã số doanh nghiệp: 0303165480

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2020 đến ngày 23 tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: QL/PB.

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Trung

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CỦA TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3191/QĐ-BVTV-PB ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón(*)	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân urê	Đạm Phú Mỹ+Vi sinh	23929	Đạm tổng số (N _{ts}): 46%; Biuret: 1,2%; Bacillus spp: 1 x 10 ³ CFU/g; Độ ẩm: 1%.	Bón rã ^(h, v)	1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mì): - Bón lót: 50 - 175 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 250 kg/ha/vụ. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh): - Bón lót: 50 - 450 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 700 kg/ha/vụ. 3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ổi, bơ, na, dứa, chuối): - Bón lót: 50 - 450 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 700 kg/ha/vụ. 4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, tỏi, ớt, xà lách): - Bón lót: 50 - 175 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 250 kg/ha/vụ.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
2	Phân amoni sulphat (phân SA)	SA Phú Mỹ+Vi sinh	23930	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lưu huỳnh (S): 23%; Axit tự do (quy về H ₂ SO ₄): 1%; Bacillus spp: 1 x 10 ³ CFU/g; Độ ẩm: 1%.	Bón rã ^(h, v)	1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mì): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha/vụ. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh): - Bón lót: 50 - 500 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng,	24 tháng kể từ ngày sản xuất



					ổi, bơ, na, dứa, chuối): - Bón lót: 50 - 500 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, tỏi, ớt, xà lách): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha/vụ.	
3	Phân kali clorua	Kali Phú Mỹ+Vi sinh	23931	Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 60%; Bacillus spp: 1×10^3 CFU/g; Độ ẩm: 1%.	Bón rẫy ^(b, h, v) 1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mì): - Bón lót: 30 - 150 kg/ha; - Bón thúc: 30 - 250 kg/ha/vụ. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh): - Bón lót: 50 - 600 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ổi, bơ, na, dứa, chuối): - Bón lót: 50 - 600 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, tỏi, ớt, xà lách): - Bón lót: 30 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 30 - 450 kg/ha/vụ.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
4	Phân urê	Đạm Phú Mỹ+KeBo	23932	Đạm tổng số (N_{ts}): 46%; Biuret: 1,2%; Kẽm (Zn): 450 ppm; Bo (B): 450 ppm; Độ ẩm: 1%.	Bón rẫy ^(h, v) 1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mì): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha/vụ. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh): - Bón lót: 50 - 500 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng,	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					ôi, bơ, na, dứa, chuối): - Bón lót: 50 - 500 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, tỏi, ớt, xà lách): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha/vụ.	
--	--	--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

Ghi chú: (*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;

(**) Viết tắt dạng phân bón: ^(b) - dạng bột; ^(h) - dạng hạt; ^(v) - dạng viên ~~_____~~

